



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.25.05066

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm : EHP PRO
Số lượng/ khối lượng : 60 thùng/ 1.500 kg
Hãng, nước sản xuất : Tex Biosciences (P) Limited, INDIA
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : 018112025/BQQ-TEX ngày 05/11/2025
Hóa đơn số : TBSE051/25-26 ngày 20/11/2025
Vận đơn số : SLM-CHN/2526/0035
Ngày sản xuất : 11/2025
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 10109/HQ-GDK-TTKN ngày 04/12/2025
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250042886)
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY CỔ PHẦN BQ&Q**
Địa chỉ: H75 khu nhà ở Thới An, Đường Lê Thị Riêng,
Phường Thới An, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN
ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng của sản phẩm

Quyết định chứng nhận
Số: 4042/QĐ-TTKN
Ngày 25 tháng 12 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hà Thanh Tùng





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.25.05067

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm : MICROBATE
Số lượng/ khối lượng : 600 bao/ 15.000 kg
Hãng, nước sản xuất : Tex Biosciences (P) Limited, INDIA
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : 018112025/BQQ-TEX ngày 05/11/2025
Hóa đơn số : TBSE051/25-26 ngày 20/11/2025
Vận đơn số : SLM-CHN/2526/0035
Ngày sản xuất : 11/2025
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 10109/HQ-GDK-TTKN ngày 04/12/2025
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250042886)
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY CỔ PHẦN BQ&Q**
Địa chỉ: H75 khu nhà ở Thới An, Đường Lê Thị Riêng,
Phường Thới An, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN
ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng của sản phẩm

Quyết định chứng nhận

Số: 4042/QĐ-TTKN

Ngày 25 tháng 12 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hà Thanh Tùng





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.25.05068

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm : BACILLUS PUMILUS
Số lượng/ khối lượng : 20 thùng/ 500 kg
Hãng, nước sản xuất : Tex Biosciences (P) Limited, INDIA
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : 018112025/BQQ-TEX ngày 05/11/2025
Hóa đơn số : TBSE051/25-26 ngày 20/11/2025
Vận đơn số : SLM-CHN/2526/0035
Ngày sản xuất : 11/2025
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 10109/HQ-GDK-TTKN ngày 04/12/2025
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250042886)
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY CỔ PHẦN BQ&Q**
Địa chỉ: H75 khu nhà ở Thới An, Đường Lê Thị Riêng,
Phường Thới An, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN
ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng của sản phẩm

Quyết định chứng nhận

Số: 4042/QĐ-TTKN

Ngày 25 tháng 12 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hà Thanh Tùng





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.25.05069

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm : BACILLUS COAGULANS
Số lượng/ khối lượng : 20 thùng/ 500 kg
Hãng, nước sản xuất : Tex Biosciences (P) Limited, INDIA
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : 018112025/BQQ-TEX ngày 05/11/2025
Hóa đơn số : TBSE051/25-26 ngày 20/11/2025
Vận đơn số : SLM-CHN/2526/0035
Ngày sản xuất : 11/2025
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 10109/HQ-GDK-TTKN ngày 04/12/2025
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250042886)
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY CỔ PHẦN BQ&Q**
Địa chỉ: H75 khu nhà ở Thới An, Đường Lê Thị Riêng,
Phường Thới An, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN
ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng của sản phẩm

Quyết định chứng nhận
Số: 4042/QĐ-TTKN
Ngày 25 tháng 12 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hà Thanh Tùng





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.25.05070

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm : CALCIUM CHLORIDE PRILLS (94-97%)
Số lượng/ khối lượng : 1.680 bao/ 42.000 kg
Hãng, nước sản xuất : Chemieorganic Chemicals (India) Pvt. Ltd, india

Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : 0012025/BQQ-CHEMIE ngày 23/09/2025
Hóa đơn số : C/3085/2526 và C/3087/2526 ngày 05/11/2025
Vận đơn số : GOSUBOM6460272
Ngày sản xuất : 02/11/2025, 03/11/2025
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 10266/HQ-GDK-TTKN ngày 08/12/2025
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250043017)

Đơn vị được cấp : **CÔNG TY CỔ PHẦN BQ&Q**
Địa chỉ: H75 khu nhà ở Thới An, Đường Lê Thị Riêng,
Phường Thới An, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN
ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT

Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng của sản phẩm

Quyết định chứng nhận

Số: 4042/QĐ-TTKN

Ngày 25 tháng 12 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hà Thanh Tùng





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.25.05071

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm : SODIUM BICARBONATE
Số lượng/ khối lượng : 1.920 bao/ 48.000 kg
Hãng, nước sản xuất : Novabay Pte. LTD, Singapore
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : BQQ-NVB2501 ngày 19/11/2025
Hóa đơn số : 9000050313 ngày 08/12/2025
Vận đơn số : 262287766
Ngày sản xuất : 12/11/2025, 18/11/2025
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 10468/HQ-GDK-TTKN ngày 12/12/2025
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250043302)
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY CỔ PHẦN BQ&Q**
Địa chỉ: H75 khu nhà ở Thới An, Đường Lê Thị Riêng,
Phường Thới An, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN
ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng của sản phẩm

Quyết định chứng nhận

Số: 4042/QĐ-TTKN

Ngày 25 tháng 12 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hà Thanh Tùng





TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

Đc/Addr: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 0782 917 168
Email: astac.mk@gmail.com



LAS-NN

94

PHIẾU YÊU CẦU/ REQUISITION FORM

Số/No.: 5772 /20251-HG

1. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG YÊU CẦU/ CUSTOMER INFORMATION REQUESTED

a. Đơn vị/ người gửi mẫu/ Sample sender:

Tên / Name: Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II
Địa chỉ/ Address: 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh
Số điện thoại/Tel: 0964122045. - Email: ttnknphianam@gmail.com
Người liên hệ/ Contact Person: Phạm Hồng Quân Điện thoại/Tel: 0962012368

b. Thông tin xuất hóa đơn/ Billing information (☐ Có/Yes; ☐ Không/No):

Tên / Name:
Địa chỉ/ Address:
Mã số thuế/ Tax code:
E-mail gửi hoá đơn:

c. Thông tin mẫu / Sample information

TT	Tên mẫu/ Sample name	Mô tả mẫu/ Sample description	Khối lượng/Weight hoặc/or Thể tích/Volume	Chỉ tiêu yêu cầu/ Required parameter	Phương pháp thử/ Test method (nếu có/ if any)	Mã số mẫu/ Sample code (Khách hàng không ghi cột này/ Customer does not fill in this column)
1.	EHP PRO (BN42886)	Thức ăn bổ sung thủy sản	Đóng trong túi/chai kín, khối lượng 02 mẫu, 0,5 kg/mẫu	Thủy ngân (Hg) (mg/kg) Cadimi (Cd) (mg/kg) Chì (Pb) (mg/kg) Aflatoxin B1 (µg/kg) Escherichia coli (CFU/g) Salmonella (CFU/25g)	QCVN 02-31-2:2019/BN NPTNT Mục 2.2 bảng 2	
2.	MICROBATE (BN42886)	Thức ăn bổ sung thủy sản	Đóng trong túi/chai kín, khối lượng 02 mẫu, 0,5 kg/mẫu	Thủy ngân (Hg) (mg/kg) Cadimi (Cd) (mg/kg) Chì (Pb) (mg/kg) Aflatoxin B1 (µg/kg) Escherichia coli (CFU/g) Salmonella (CFU/25g)	QCVN 02-31-2:2019/BN NPTNT Mục 2.2 bảng 2	
3.	BACILLUS PUMILUS (BN42886)	Thức ăn bổ sung thủy sản	Đóng trong túi/chai kín, khối lượng 02 mẫu, 0,5 kg/mẫu	Thủy ngân (Hg) (mg/kg) Cadimi (Cd) (mg/kg) Chì (Pb) (mg/kg) Aflatoxin B1 (µg/kg) Escherichia coli (CFU/g) Salmonella (CFU/25g)	QCVN 02-31-2:2019/BN NPTNT Mục 2.2 bảng 2	
4.	BACILLUS COAGULANS (BN42886)	Thức ăn bổ sung thủy sản	Đóng trong túi/chai kín, khối lượng 02 mẫu, 0,5 kg/mẫu	Thủy ngân (Hg) (mg/kg) Cadimi (Cd) (mg/kg) Chì (Pb) (mg/kg) Aflatoxin B1 (µg/kg) Escherichia coli (CFU/g) Salmonella (CFU/25g)	QCVN 02-31-2:2019/BN NPTNT Mục 2.2 bảng 2	
5.	CALCIUM CHLORIDE PRILLS (94-97%) (BN43017)	Thức ăn bổ sung thủy sản	Đóng trong túi/chai kín, khối lượng 02 mẫu, 0,5 kg/mẫu	Asen (As) vô cơ (mg/kg) Cadimi (Cd) (mg/kg) Chì (Pb) (mg/kg) Thủy ngân (Hg) (mg/kg)	QCVN 02-31-2:2019/BN NPTNT Mục 2.4 bảng 5	

3K

TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

Đc/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 0782 917 168
Email: astac.mk@gmail.com



LAS-NN
94

TT	Tên mẫu/ Sample name	Mô tả mẫu/ Sample description	Khối lượng/Weight hoặc/or Thể tích/Volume	Chỉ tiêu yêu cầu/ Required parameter	Phương pháp thử/ Test method (nếu có/ if any)	Mã số mẫu/ Sample code (Khách hàng không ghi cột này/ Customer does not fill in this column)
6.	SODIUM BICARBONATE (BN43302)	Thức ăn bổ sung thủy sản	Đóng trong túi/chai kín, khối lượng 02 mẫu, 0,5 kg/mẫu	Asen (As) vô cơ (mg/kg) Cadimi (Cd) (mg/kg) Chì (Pb) (mg/kg) Thủy ngân (Hg) (mg/kg)	QCVN 02-31-2:2019/BN NPTNT Mục 2.4 bảng 5	

d. Yêu cầu khác/ Other requirements

Mục đích / Purpose:

☒ Thử nghiệm/ Analysis; ☐ Giám định/ Assess; ☐ Khác/ other:

Trà kết quả/ Result format: ☐ Trực tiếp/Directly; ☐ Thư/Letter; ☒ Email (bản ký số/digital signature)

Nhà thầu phụ/Subcontractor (If any): ☐

Nhận lại mẫu sau thử nghiệm/ Returning sample request : ☐ Có/Yes ☒ Không/No

Yêu cầu khác/ Other requirements (nếu có/if any):

**Người gửi mẫu/
Customer**

Phạm Hồng Quân

2. XÁC NHẬN CỦA TRUNG TÂM/ ASTAC VERIFICATION

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 19-12-2025

Ngày dự kiến trả kết quả / Expected date of issue: 26-12-2025

Tình trạng bao gói mẫu/ Sample packaging condition: ☒ Nguyên vẹn/ Intact; ☐ Không nguyên vẹn/ Not Intact

Nhiệt độ bảo quản mẫu/ Sample storage temperature: ☒ Môi trường/ Environmental; ☐ Lạnh/ cold; ☐ Đông lạnh/ Frozen

Ghi chú/note:

**Người nhận
mẫu/
Recipient**

Nguyễn Ngọc Anh

Ghi chú:

- Quý khách hàng ghi đúng, đầy đủ thông tin theo nhu cầu vào mục 1 ngoại trừ cột "Mã số mẫu/ Sample code", Trung tâm không chịu trách nhiệm về các thông tin do khách hàng cung cấp/ Customers must fill in correct and complete information according to their needs in section 1 except for the "Sample code" column. ASTAC is not responsible for the information provided by customers.

- Quý khách hàng yêu cầu phương pháp cụ thể thì ghi ký hiệu phương pháp vào cột "Phương pháp thử", trong trường hợp khách hàng không yêu cầu Trung tâm sẽ sử dụng phương pháp phù hợp để phân tích/ If the customer requires a specific method, please write the method symbol in the "Test method" column. If the customer does not request, ASTAC will use the appropriate method for analysis.

- Trung tâm cam kết bảo mật thông tin của khách hàng, ngoại trừ việc tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam/ ASTAC is committed to keeping customer information confidential, except in compliance with the provisions of Vietnamese law.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 19578/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Phạm Hồng Quân
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 57722512633
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 19/12/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 19/12/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
EHP PRO (BN42886)	Aflatoxin B1 (*)	µg/kg (LOQ=1)	KPH	HDH-08 (Ref. AOAC 990.33; AOAC 991.31) Sắc ký lỏng
	Chì (Pb) (**)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	AOAC 986.15
	Cadimi (Cd) (**)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	AOAC 986.15
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
	Escherichia coli (*)(**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp. (*)(**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 23/12/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 19579/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng IIĐịa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí MinhNgười gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Phạm Hồng QuânMô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 57722512634

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 19/12/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 19/12/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
MICROBATE (BN42886)	Aflatoxin B1 (*)	µg/kg (LOQ=1)	KPH	HDH-08 (Ref. AOAC 990.33; AOAC 991.31) Sắc ký lỏng
	Chì (Pb) (**)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	AOAC 986.15
	Cadimi (Cd) (**)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	AOAC 986.15
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
	Escherichia coli (*)(**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp. (*)(**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 23/12/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



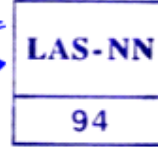
Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 19580/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Phạm Hồng Quân
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 57722512635
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 19/12/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 19/12/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
BACILLUS PUMILUS (BN42886)	Aflatoxin B1 (*)	µg/kg (LOQ=1)	KPH	HDH-08 (Ref. AOAC 990.33; AOAC 991.31) Sắc ký lỏng
	Chì (Pb) (**)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	AOAC 986.15
	Cadimi (Cd) (**)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	AOAC 986.15
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
	Escherichia coli (*)(**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp. (*)(**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 23/12/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

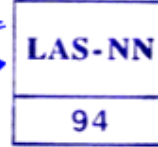
Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 19581/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Phạm Hồng Quân
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 57722512636
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 19/12/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 19/12/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
BACILLUS COAGULANS (BN42886)	Aflatoxin B1 (*)	µg/kg (LOQ=1)	KPH	HDH-08 (Ref. AOAC 990.33; AOAC 991.31) Sắc ký lỏng
	Chì (Pb) (**)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	AOAC 986.15
	Cadimi (Cd) (**)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	AOAC 986.15
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
	Escherichia coli (*)(**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp. (*)(**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 23/12/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

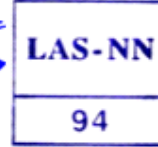
Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 19582/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Phạm Hồng Quân
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 57722512637
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 19/12/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 19/12/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
CALCIUM CHLORIDE PRILLS (94-97%) (BN43017)	Asen (As) vô cơ (**)	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
	Chì (Pb) (**)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	AOAC 986.15
	Cadimi (Cd) (**)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,24	AOAC 986.15
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012

[Signature]

Cần Thơ, ngày/date: 23/12/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

Ghi chú/ Note:

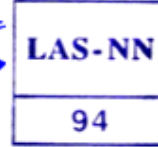
- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

[Signature]



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 19583/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Phạm Hồng Quân
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 57722512638
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 19/12/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 19/12/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
SODIUM BICARBONATE (BN43302)	Asen (As) vô cơ (**)	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
	Chì (Pb) (**)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	AOAC 986.15
	Cadimi (Cd) (**)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	AOAC 986.15
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012

Cần Thơ, ngày/date: 23/12/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.